

STT	Khu vực, vị trí	Ranh giới, vị trí	Giá đất
<b>G</b>	<b>HUYỆN CÙ LAO DUNG</b>		
<b>I</b>	<b>KV2</b>	<b>Thị trấn Cù Lao Dung</b>	
1	VT2	Đất trồng cây lâu năm trên địa bàn thị trấn	60
<b>II</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã An Thạnh 1</b>	
1	VT1	Đất trồng cây lâu năm trên địa bàn xã	60
<b>III</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã An Thạnh Tây</b>	
1	VT1	Đất trồng cây lâu năm trên địa bàn xã	60
<b>IV</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã An Thạnh 2</b>	
1	VT3	Đất trồng cây lâu năm trên địa bàn xã	50
<b>V</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã An Thạnh 3</b>	
1	VT3	Đất trồng cây lâu năm trên địa bàn xã	50
<b>VI</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã An Thạnh Nam</b>	
1	VT4	Toàn ấp Vàm Hồ; ấp Vàm Hồ A; ấp Võ Thành Văn (khu vực từ phía bờ tây Rạch cây Me đến bờ phía đông Rạch Su)	45
2	VT5	Phần còn lại của ấp Võ Thành Văn, (khu vực từ phía Đông Rạch Cây Me đến đê bao biên giáp xã An Thạnh 3; khu vực từ nhà ông Khải đến nhà ông Ba Đồi, qua cổng số 4 đến Cầu Cây mắm)	40
<b>VII</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã An Thạnh Đông</b>	
1	VT2	Toàn ấp: Trương Công Nhật, Đặng Trung Tiến, Nguyễn Công Minh A, Nguyễn Công Minh B, Đền Thờ	55
2	VT3	Toàn ấp Lê Minh Châu A, Lê Minh Châu B, Tăng Long	50
<b>VIII</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã Đại Ân 1</b>	
1	VT4	Toàn ấp Văn Sáu, ấp Đoàn Văn Tố, toàn ấp Đoàn Văn Tố A và 1 phần phía trên ấp Sáu Thừ	45
2	VT5	Các khu vực còn lại	40
<b>H</b>	<b>HUYỆN CHÂU THÀNH</b>		
<b>I</b>	<b>KV2</b>	<b>Thị trấn Châu Thành</b>	
1	VT2	Dọc kênh Xây Cáp theo hướng Bắc dọc ranh đường Huyện 5, kênh thủy lợi, kênh Mai Thanh và phần đất ấp Trà Quýt	60
2	VT3	Các vùng còn lại	55
3	VT4	Kênh Hai Col - kênh 30/4 - Ranh xã Phú Tâm - xã Phú Tân	50

STT	Khu vực, vị trí	Ranh giới, vị trí	Giá đất
<b>II</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã Thuận Hoà</b>	
1	VT4	Kênh ông Ứng - ranh xã Hồ Đắc Kiện - ranh xã Thiện Mỹ ----- Quốc lộ 1A - ranh xã Phú Tân - kênh Hai Gò - rạch Hàng Bằng	45
2	VT5	Các vùng còn lại	40
3	VT6	Rạch Trà Canh A - kênh Sườn - kênh ông Ứng - ranh xã An Hiệp (hướng Nam)	35
<b>III</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã An Hiệp</b>	
1	VT4	Các vùng còn lại	45
2	VT5	Kênh 77 - ranh thành phố Sóc Trăng ----- Kênh 85 - đường đất - rạch thuộc ấp Bung Tróp A và B - kênh ranh xã An Ninh	40
3	VT6	Kênh 85 - Ranh xã Thiện Mỹ	35
<b>IV</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã Phú Tâm</b>	
1	VT4	Toàn bộ ấp Phú Thành B	45
2	VT5	Kênh Cầu Chùa- kênh ông Quên - ranh huyện Long Phú ----- Kênh ông Quên - kênh Cầu Chùa- ranh xã Phú Tân ----- Kênh 77 - kênh ông Bọng - kênh thủy lợi - kênh Pà Chắt ----- Kênh 7 Quýt - kênh 77 - ranh huyện Kế Sách ----- Kênh 30/4 đến ranh xã Hồ Đắc Kiện	40
3	VT6	Các vùng còn lại	35
<b>V</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã An Ninh</b>	
1	VT4	Kênh xáng Bồ Thảo - đường Tỉnh 939 - Kênh ranh xã An Hiệp ----- Kênh xáng Tà Liêm - kênh ranh xã Thuận Hưng	45
2	VT5	Các vùng còn lại	40
3	VT6	Kênh 77 - rạch Chăn Đùm - ranh xã Mỹ Hương - ranh xã Thiện Mỹ	35

STT	Khu vực, vị trí	Ranh giới, vị trí	Giá đất
<b>VI</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã Hồ Đắc Kiện</b>	
1	VT3	Quốc Lộ 1A - ranh thị trấn Châu Thành, Phú Tân và huyện Kế Sách ----- Kênh Gòn - Kênh Sườn (ấp kinh Đào) - ranh thị trấn Châu Thành	50
2	VT4	Các vùng còn lại	45
3	VT5	Lộ đal Thiện Mỹ đi Đại Hải đến hết đất Lâm Trường ----- Kênh lâm trường - kênh Sườn - kênh Hai Nhân	40
<b>VII</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã Thiện Mỹ</b>	
1	VT4	Kênh Ba Rinh - kênh Phú Tường - kênh Năm Cường, kênh Năm Thực, kênh Hai Phong	45
2	VT5	Các vùng còn lại	40
3	VT6	Kênh Phú Tường - xã Long Hưng	35
<b>VIII</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã Phú Tân</b>	
1	VT3	Kênh Xây Chô - ranh xã Phú Tân - kênh Vành Đai - ranh xã An Hiệp ----- Kênh 6 Thước - Kênh ranh xã An Hiệp	50
2	VT4	Kênh Trà Canh - Ranh xã Thuận Hòa , Phú Tân	45
3	VT5	Các vùng còn lại	40
<b>I</b>	<b>HUYỆN TRẦN ĐỀ</b>		
<b>I</b>	<b>KV2</b>	<b>Thị trấn Lịch Hội Thượng</b>	
1	VT3	Toàn bộ diện tích đất trồng cây lâu năm trên địa bàn thị trấn	50
<b>II</b>	<b>KV2</b>	<b>Thị trấn Trần Đề</b>	
1	VT3	Toàn bộ diện tích đất trồng cây lâu năm trên địa bàn thị trấn	60
<b>III</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã Đại Ân 2</b>	
1	VT5	Đông: Kênh xáng mới; Tây: Xã Liêu Tú, Tài Văn; Nam: Kênh Chù Bưng Bưởi; Bắc: Lộ đất Tú Diềm	40
2	VT4	Phần đất trồng cây lâu năm còn lại trên địa bàn xã	45